

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/KDTM - ST
Ngày 16/3/2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Lanh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Ngân

2. Bà Vũ Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thanh Huyền - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai. Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 207/2021/TLST- KDTM ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST- KDTM ngày 25 tháng 01 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST - KDTM ngày 23 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên H- Địa chỉ: Số nhà 595, đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức H - Chức vụ: Giám đốc. “Có mặt”

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH N- Địa chỉ: Số nhà 149, đường Nhạc Sơn, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đức V - Chức vụ: Giám đốc. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH một thành viên H có cho Công ty TNHH N vay tổng số tiền là 1.840.366.033 đồng (*Một tỷ tám trăm bốn mươi triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi ba đồng*) với lãi suất tiền vay ngân hàng nông nghiệp theo từng thời điểm, kể từ ngày 03/02/2016 thời hạn vay là 6 tháng nhưng đến hạn Công ty TNHH N không thanh toán, sau khi quá hạn có thanh toán nhưng đến nay chưa thanh

toán hết số tiền gốc trên và các khoản tiền lãi theo thỏa thuận cũng như lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi suất chậm trả cho Công ty TNHH một thành viên H cụ thể gốc và lãi suất như sau:

I. Lãi suất trong hạn:

Lãi suất từ ngày 03/02/2016 đến ngày 06/04/2016 của số tiền 1.840.366.033 đồng, lãi suất 8,5%/năm, số tiền là: $1.840.366.033 \text{ đồng} \times 8,5\% : 365 \text{ ngày} \times 64 \text{ ngày} = 27.429.017 \text{ đồng}$

Lãi suất từ ngày 07/04/2016 đến ngày 31/05/2016 của số tiền 1.840.366.033 đồng, lãi suất 9,5%/năm, số tiền là: $1.840.366.033 \text{ đồng} \times 9,5\% : 365 \text{ ngày} \times 55 \text{ ngày} = 26.344.966 \text{ đồng}$

Lãi suất từ ngày 01/06/2016 đến ngày 04/08/2016 của số tiền 1.840.366.033 đồng, lãi suất 9,5%/năm, số tiền là: $1.840.366.033 \text{ đồng} \times 9,5\% : 365 \text{ ngày} \times 65 \text{ ngày} = 31.134.960 \text{ đồng}$

Tổng tiền lãi suất trong hạn là: $27.429.017 \text{ đồng} + 26.344.966 \text{ đồng} + 31.134.960 \text{ đồng} = 84.908.943 \text{ đồng}$

II/ Lãi suất quá hạn:

Lãi suất quá hạn từ ngày 05/08/2016 đến ngày 06/12/2018 của số tiền 1.840.366.033 đồng, lãi suất 10%/năm, số tiền là: $1.840.366.033 \text{ đồng} \times 10\% \times 150\% : 365 \text{ ngày} \times 852 \text{ ngày} = 644.380.216 \text{ đồng}$

Ngày 7/12/2018 ông Trần Đức V chuyển vào tài khoản ông Nguyễn Đức H trả nợ số tiền là: 300.000.000 đồng số tiền gốc còn nợ là 1.840.366.033 đồng - 300.000.000 đồng = 1.540.366.033 đồng

Lãi suất từ ngày 07/12/2018 đến ngày 25/12/2018 của số tiền 1.540.366.033 đồng, lãi suất 10%/năm, số tiền là: $1.540.366.033 \text{ đồng} \times 10\% \times 150\% : 365 \text{ ngày} \times 19 \text{ ngày} = 12.027.516 \text{ đồng}$

Đến ngày 26/12/2018 ông Trần Đức V chuyển khoản vào tài khoản ông Nguyễn Đức H trả nợ số tiền là: 200.000.000 đồng số tiền gốc còn nợ là: 1.540.366.033 đồng - 200.000.000 đồng = 1.340.366.033 đồng

Lãi suất từ ngày 26/12/2018 đến ngày 31/12/2018 của số tiền 1.340.366.033 đồng, lãi suất 10%/năm, số tiền là: $1.340.366.033 \text{ đồng} \times 10\% \times 150\% : 365 \text{ ngày} \times 6 \text{ ngày} = 3.305.012 \text{ đồng}$

Lãi suất từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/01/2019 của số tiền 1.340.366.033 đồng, lãi suất 10%/năm, số tiền là: $1.340.366.033 \text{ đồng} \times 10\% \times 150\% : 365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 16.525.061 \text{ đồng}$

Đến ngày 30/01/2019 bà Bùi Thanh M kế toán Công ty TNHH một thành viên H nhận tiền mặt số tiền là: 500.000.000 đồng số nợ gốc còn = 1.340.366.033 đồng - 500.000.000 đồng = 840.366.033 đồng

Lãi suất từ ngày 31/01/2019 đến ngày 19/12/2021 của số tiền 840.366.033 đồng, lãi suất 10%/năm, số tiền là: $840.366.033 \text{ đồng} \times 10\% \times 150\% : 365 \text{ ngày} \times 1.050 \text{ ngày} = 362.623.699 \text{ đồng}$

Đến ngày 20/12/2021 bà Lê Thị Bích T kế toán Công ty TNHH N nộp trả bằng tiền mặt tại Công ty TNHH một thành viên H số tiền là: 200.000.000 đồng số nợ gốc còn là: 840.366.033 đồng - 200.000.000 đồng = 640.366.033 đồng

Lãi suất từ ngày 20/12/2021 đến ngày 15/03/2022 của số tiền 640.366.033 đồng, lãi suất 10%/năm, số tiền là: 640.366.033 đồng x 10% x 150% : 365 ngày x 84 ngày = 22.105.786 đồng.

Tổng số nợ lãi quá hạn đến ngày 15/03/2022 là: 644.380.216 đồng + 12.027.516 đồng + 3.305.012 đồng + 16.525.061 đồng + 362.623.699 đồng + 22.105.786 đồng = 1.060.967.290 đồng

Vậy Công ty TNHH một thành viên H khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH N phải thanh toán hoàn trả tổng số tính đến ngày 15/03/2022 là: 1.786.242.265 đồng (*Một tỷ, bảy trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm sáu mươi lăm đồng*). Trong đó: Tiền nợ gốc 640.366.033 đồng (*Sáu trăm bốn mươi triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi ba đồng*), Lãi trong hạn số tiền là: 84.908.942 đồng (*Tám mươi tư triệu, chín trăm linh tám nghìn, chín trăm bốn mươi hai đồng*), Lãi quá hạn số tiền là: 1.060.967.290 đồng (*Một tỷ không trăm sáu mươi triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, hai trăm chín mươi đồng*) và số tiền phát sinh cho đến khi xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH N: Sau khi Toà án thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết đầy đủ các giấy tờ tố tụng của Toà án cho Công ty TNHH N nhưng Công ty TNHH N không có văn bản trả lời, cũng không đến toà án làm bản tự khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bổ sung lại cách tính lãi suất đến ngày 15/3/2022.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty TNHH N có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH một thành viên H số tiền nợ gốc và lãi tính tổng cộng là: 1.786.242.265 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc 640.366.033 đồng, lãi trong hạn: 84.908.942 đồng, lãi quá hạn: 1.060.967.290 đồng. Tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn Công ty TNHH N vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng vay tài sản. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

[2] Xét hợp đồng vay tài sản:

[2.1] Ngày 03/02/2016 giữa Công ty TNHH một thành viên H và Công ty TNHH N ký hợp đồng vay tài sản theo đó Công ty TNHH N vay số tiền 1.840.366.033 đồng; Mục đích vay: Kinh doanh; Thời hạn vay: 06 tháng; Lãi suất cho vay theo lãi xuất ngân hàng nông nghiệp Kim Tân. Giấy vay tiền do đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH một thành viên H và đại diện theo pháp luật Công ty TNHH N ký tên, đóng dấu, việc ký kết hợp đồng do các bên tự nguyện tham gia ký kết, không bị ai ép buộc, nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự.

[2.4] Quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi vay Công ty TNHH N đã thanh toán trả cho Công ty TNHH một thành viên H số tiền gốc là: Ngày 26/12/2018 trả 200.000.000 đồng, ngày 07/12/2018 trả 300.000.000 đồng, ngày 30/01/2019 trả 500.000.000 đồng, ngày 20/12/2021 trả 200.000.000 đồng, chưa thanh toán khoản tiền lãi nào cho Công ty TNHH một thành viên H. Theo hợp đồng thì từ ngày 04/8/2016 số tiền gốc vay đã bị chuyển nợ quá hạn. Như vậy quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH N đã vi phạm hợp đồng về việc trả gốc, lãi theo hợp đồng cho Công ty TNHH một thành viên H.

[3] Xét yêu cầu buộc trả nợ: Công ty TNHH một thành viên H xác định tính đến ngày 15/3/2022 Công ty TNHH N còn nợ tổng cộng là: 1.786.242.265 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 640.366.033 đồng, lãi trong hạn là 84.908.942 đồng, lãi quá hạn là 1.060.967.290 đồng.

Việc Công ty TNHH một thành viên H tính mức lãi suất trong hạn 8,5%/năm và 9,5%/năm, lãi suất quá hạn 10%/năm là phù hợp với thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định tại điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy việc Công ty TNHH một thành viên H khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH N phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi cho Công ty TNHH một thành viên H là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 471, điều 474, điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ các điều 463, điều 466,

điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc Công ty TNHH N có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH một thành viên H số tiền nợ gốc và lãi tính tổng cộng là: 1.786.242.265 đồng (*Một tỷ, bảy trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm sáu mươi lăm đồng*). Trong đó: Tiền nợ gốc là 640.366.033 đồng (*Sáu trăm bốn mươi triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, không trăm ba mươi ba đồng*), Lãi trong hạn là 84.908.942 đồng (*Tám mươi tư triệu, chín trăm linh tám nghìn, chín trăm bốn mươi hai đồng*), Lãi quá hạn là: 1.060.967.290 đồng (*Một tỷ không trăm sáu mươi triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, hai trăm chín mươi đồng*) theo Giấy vay tiền mặt giữa Công ty TNHH một thành viên H và Công ty TNHH N ký ngày 03/02/2016.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc Công ty TNHH N phải chịu: 65.587.268 đồng (*Sáu mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi tám đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH một thành viên H không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại cho Công ty TNHH một thành viên H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.746.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu, bảy trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001224 ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; TP
- Các đương sự;
- THADS TP;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Lanh